**BÀI 2- THÔNG TIN TRONG MÔI TRƯỜNG SỐ (2 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

* Đặc điểm của thông tin số.
* Tầm quan trọng của việc biết khai thác các nguồn thông tin đáng tin cậy

**2. Về năng lực:**

* Nêu được các đặc điểm của thông tin số: đa dạng, được thu thập ngày càng nhanh và nhiều, được lưu trữ với lưu lượng khổng lồ bởi nhiều tổ chức và cá nhân, có tính bản quyền, có độ tin cậy rất khác nhau, có các công cụ tìm kiếm, chuyên đổi truyền và xử lý hiệu quả
* Trình bày được tầm quan trọng của việc biết khai thác các nguồn thông tin đáng tin cậy, nêu được các ví dụ minh họa

**3. Về phẩm chất:**

* Rèn luyện đức tính trung thực, xác lập thái độ trách nhiệm trong việc khai thác và  
  sử dụng thông tin kĩ thuật số.
* Chăm chỉ: cố gắng vươn lên hoàn thành nhiệm vụ học tập, không ngừng tìm tòi khám phá tri thức thông qua thông tin số.
* Trách nhiệm: phải dần thay đổi hành vi của mình để thích nghi với môi trường số mới. Biết khai thác nguồn thông tin đáng tin cậy rất quan trọng để từ đó đưa ra quyết định đúng đắn. Phải có trách nhiệm khi chia sẻ công khai các thông tin số đúng sự thật và đáng tin cậy.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

* GV: Giáo án và bài giảng điện tử
* HS: Chuẩn bị bài tập nhóm đã được phân công.

|  |  |
| --- | --- |
| **Tuần 3**  **Tiết 3** | **Ngày soạn: 9/9/2023**  **Lớp dạy: 8A1, 8A2, 8A3, 8A4, 8A5** |

**III. Tiến trình dạy học**

1. **Mở đầu:**

**Hoạt động 1. Ảnh in và ảnh số (20 phút)**

a) Mục tiêu: Hs nhận ra những đặc điểm của thông tin số qua những ví dụ cụ thể

b) Nội dung:

* Các nhóm Hs nghiên cứu và trả lời các câu hỏi trong tình huống SGK T10
* Tổ chức hoạt động đọc mục a) thông tin số - SGKT10,11

c) Sản phẩm: HS nêu được đặc điểm chính của thông tin số (Thông tin số dễ dàng được nhân bản và lan truyền nhưng khó bị xóa bỏ hoàn toàn; Thông tin số có thể được truy cập từ xa nếu người quản lý thông tin đó cho phép).

d) Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - GV chia nhóm – 2hs/nhóm. GV chiếu và yêu cầu HS trả lời theo các yêu cầu phần hoạt động 1  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi HS trong nhóm trả lời, HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - Câu trả lời hướng tới đặc điểm của thông tin số. Ba câu hỏi gắn với hoạt động thu nhận, nhân bản Và lưu trữ dữ liệu số nhằm đưa đến một số kết luận sau  + An nhận được bức ảnh số bằng cách truy cập vào mạng xã hội. Thông tin số có thể được truy cập từ xa.  + An nhận được ảnh nhưng Khoa không bị mất bức ảnh gốc. Việc nhân bản thông tin số không tốn vật liệu và dễ thực hiện.  + An có thể lưu trữ bức ảnh số vào nhiều thiết bị của mình. Dữ liệu số dễ dàng được nhân bản và lan truyền.  + HS cần ghi nhớ hai đặc điểm chính của thông tin số  **\* Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét kết quả của HS, từ đó GV đưa ra mục tiêu của bài học, vào bài | Mục tiêu của bài học  Graphical user interface, text, application  Description automatically generated |

1. **Hoạt động 2: Thông tin số (25 phút)**

a) Mục tiêu:

* HS nhận ra những đặc điểm xã hội của thông tin qua những ví dụ cụ thể

b) Nội dung: Hs lấy bối cảnh là hành trình của một bức ảnh số

Khoa gửi 🡪 Mạng xã hội 🡪 An nhận 🡪 An chỉnh sửa 🡪 An gửi tiếp cho các bạn khác

* Các nhóm HS nghiên cứu và trả lời các câu hỏi trong tình huống hình 2.2

Các câu hỏi nhằm làm nổi bật những đặc điểm của thông tin số và những vấn đề sinh khi thông tin số được thu nhận, lưu trữ, tìm kiếm, xử lý, chia sẻ trong xã hội, giữa những cá nhân và tổ chức

* Hoạt động đọc: HS đọc nội dung b) thông tin số trong xã hội để ghi nhớ năm đặc điểm của thông tin trong môi trường số.
* HS làm bài tập củng cố kiến thức

c) Sản phẩm: HS nêu được đặc điểm của thông tin trong môi trường số.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - GV chia nhóm – 2HS/nhóm.  + GV chiếu tình huống và trả lời các câu hỏi theo yêu cầu  + Tổ chức hoạt động đọc nội dung mục b và đưa ra đặc điểm của thông tin trong môi trường số.  + Làm bài tập củng cố kiến thức  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi HS trong nhóm trả lời, HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét kết quả của HS, từ đó GV chốt kiến thức  Câu trả lời được khái quát hóa thành những đặc điểm xã hội của thông tin số như gợi ý sau:  + Không chỉ An mà cả máy chủ của trang mạng xã hội cũng lưu trữ bức ảnh mà Khoa gửi. Đó là ví dụ cho nhận định: Thông tin số đa dạng được thu thập nhanh, được lưu trữ với dung lượng rất lớn bởi nhiều tổ chức và cá nhân.  + Tùy theo cách Khoa gửi cho An, chỉ có những ai được Khoa hoặc An cho phép mới có thể xem được bức ảnh. Nếu bức ảnh không đăng kí bản quyền tác giả thì ai cũng có thể sử dụng bức ảnh theo cách của mình. Quyền tác giả của thông tin số được pháp luật bảo hộ. Nếu Khoa gửi ảnh cho An theo cách công khai thì mọi người đều có thể tìm kiếm, xem và tải bức ảnh về máy của mình. Điều đó minh họa cho nhận xét: có nhiều công cụ hỗ trợ tìm kiếm, truy cập, lưu trữ, xử lý và chia sẻ thông tin số. Vì An có thể chỉnh sửa bức ảnh thành một bức ảnh khác và gửi cho người khác. Thông tin số có mức độ tin cậy khác nhau. Ảnh cá nhân cua An trên nền ruộng bậc thang có thể gây nhầm lẫn. Vì vậy, thông tin số cần phải quản lý, khai thác một cách an toàn và có trách nhiệm.  + Sau khi chỉnh sửa ảnh, An có thể gửi ảnh lại cho Khoa và các bạn khác.  - GV nhấn mạnh thông tin số được nhiều tổ chức và cá nhân lưu trữ với dung lượng rất lớn, được bảo hộ quyền tác giả và có độ tin cậy khác nhau. | Đặc điểm của thông tin trong môi trường số:  Graphical user interface, text, application  Description automatically generated |

**RÚT KINH NGHIỆM:**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
| **Tuần 4**  **Tiết 4** | **Ngày soạn: 17/9/2023**  **Lớp dạy: 8A1, 8A2, 8A3, 8A4, 8A5** |

1. **Hoạt động 3: Thông tin đáng tin cậy (25 phút)**

a) Mục tiêu:

* Hs nhận ra những tác hại của việc sử dụng thông tin không đáng tin cậy. Thông tin đáng tin cậy được nhận dạng qua hiện tượng độc lập: tin giả. Tình huống trong hoạt động tiếp nối kết luật từ mục trước về độ tin cậy khác nhau của thông tin số.

b) Nội dung: GV chia nhóm và thảo luận trả lời câu hỏi hình 2.3, phân tích tác hại của việc làm theo những lời khuyên thiếu căn cứ

c) Sản phẩm: HS kể được một số nội dung trên mạng là tin giả, tin giả có tác hại như thế nào với người đọc tin và HS nêu được các xác định tin giả (kiểm tra nguồn gốc thông tin; phân biệt ý kiến với sự kiện; kiểm tra chứng cứ; đánh giá tính thời sự của thông tin.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi:  + Em hãy kể lại một số nội dung trên mạng mà em biết đó là tin giả.  + Tin giả đó gây tác hại gì nếu người đọc tin vào điều đó?  + Làm thế nào để em biết đó là tin giả?  - Hoạt động đọc: hs đọc nội dung mục 2 và cho biết làm thế nào để xác nhận được thông tin đáng tin cậy hay không?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi HS trong nhóm trả lời, HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét kết quả của HS, từ đó GV chốt kiến thức | - Thông tin đáng tin cậy giúp em đưa ra kết luận đúng, quyết định hành động đúng và giải quyết được các vấn đề đã đặt ra.  - Một số cách xác nhận thông tin có đáng tin cậy hay không:  + Kiểm tra nguồn thông tin; phân biệt ý kiến với sự kiện;  + Kiểm ra chứng cứ của kết luật;  + Đánh giá tính thời sự của thông tin. |

1. **Hoạt động 4. Luyện tập (15 phút)**

a) Mục tiêu:

* Hs luyện tập tìm kiếm thông tin trên mạng Internet và phân tích mức độ tin cậy của nguồn tin.
* Làm bài tập phần luyện tập bài 1,2 trong SGK trong phiếu bài tập

b) Nội dung:

* Hs làm bài tập luyện tập trong SGK T13.

c) Sản phẩm: Phiếu bài tập của hs.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**   * Chia hoạt động nhóm 2-3hs/nhóm   + Trả lời câu hỏi phần luyện tập  Gợi ý: những ứng dụng thu thập rất nhiều thông tin từ người sử dụng có thể bao gồm ứng dụng gọi điện, nhắn tin, thư điện tử, mạng xã hội…. Yêu cầu HS nêu tên những ứng dụng cụ thể mà không chỉ là phân loại ứng dụng. Chẳng hạn: Facebook, Youtube….  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi HS trong nhóm trả lời, HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét kết quả của HS, từ đó GV chốt kiến thức | - Những ứng dụng thu thập rất nhiều thông tin từ người sử dụng có thể bao gồm ứng dụng gọi điện, nhắn tin, thư điện tử, mạng xã hội…. |

1. **Hoạt động 5: Vận dụng (5 phút)**

a) *Mục tiêu:* Vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng.

b) *Nội dung*:Bài tập vận dụng trong SGK trang 13

c) *Sản phẩm*: Phiếu bài tập về nhà của học sinh.

d) *Tổ chức thực hiện*:

* GV giao bài tập cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp. HS gửi sản phẩm qua hòm thư hoặc không gian lưu trữ trên mạng được GV qui định.
* GV tổ chức chia sẻ và đánh giá kết quả làm bài của HS ở thời điểm phù hợp của những tiết học tiếp theo.

**RÚT KINH NGHIỆM:**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………